

Q326A012103
(MTTN26001537.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

10/02/2026
Trang/ Page: 1/9

- Tên mẫu : Nước khoáng thiên nhiên La Vie 19L
Thời gian lấy mẫu: 22h00, 20/01/2026
- Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp
- Dạng mẫu: lỏng
- Dụng cụ chứa: 1 bình nhựa
- Số đơn vị/mẫu: 19 L
- Chụp hình mẫu: xem hình kèm theo
- Số lượng mẫu : 01
- Ngày nhận mẫu : 31/01/2026
- Thời gian thử nghiệm : 31/01/2026 - 11/02/2026
- Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LA VIE
Quốc Lộ 1A, Khu phố Tường Khánh, Phường Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326A012103
(MTTN26001537.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/02/2026

Trang/ Page: 2/9

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.1	Hàm lượng Selen (Se)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.2	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	US EPA 200.8	0,001	-
7.3	Hàm lượng Bari (Ba),	mg/L	US EPA 200.8	0,07	-
7.4	Hàm lượng Borat tính theo bo (B)	mg/L	US EPA 200.8	0,05	-
7.5	Hàm lượng cadmi (Cd)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005
7.6	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.7	Hàm lượng chất hoạt động bề mặt anion	mg/L	TCVN 6622-1:2009	KPH	0,05
7.8	Hàm lượng Crom (Cr)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.9	Hàm lượng Cyanid (CN ⁻)	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,005
7.10	Hàm lượng Dầu khoáng	mg/L	ISO 9377-2:2000	KPH	0,1
7.11	Hàm lượng Fluorid (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,3	-
7.12	Hàm lượng Mangan (Mn)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01
7.13	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.14	Hàm lượng Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,5	-
7.15	Hàm lượng nitrit (NO ₂ ⁻)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,02
7.16	Hàm lượng stibi (Sb)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.17	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0002
7.18	Hàm lượng đồng (Cu)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01
7.19	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật clo hữu cơ	-	US EPA 3510C & US EPA 8270E	-	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phù k = 2, phần bổ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326A012103
(MTTN26001537.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/02/2026

Trang/ Page: 3/9



STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.19.1	4,4'-DDD	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.2	4,4'-DDE	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.3	4,4'-DDT	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.4	Aldrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.5	Dieldrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.6	Endosulfan-sulfate	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.7	Endrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.8	HCB	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.9	Heptachlor	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.10	Heptachlor-epoxide	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.11	Methoxychlor	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326A012103
(MTTN26001537.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/02/2026

Trang/ Page: 4/9



STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.19.12	α -Endosulfan	$\mu\text{g/L}$	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.13	α -HCH	$\mu\text{g/L}$	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.14	β -Endosulfan	$\mu\text{g/L}$	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.15	β -HCH	-	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.16	γ -HCH	$\mu\text{g/L}$	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.17	δ -HCH	$\mu\text{g/L}$	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.20	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ carbamate	-	US EPA 8321B	-	-
7.20.1	Aldicarb	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.2	Fenobucarb	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.3	Aldicarb sulfone	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.4	Aldicarb sulfoxide	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.5	Carbaryl	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.6	Carbendazime	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.7	Carbofuran	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.8	Imidacloprid	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.9	Isoprocarb	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.10	Methiocarb	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.11	Methomyl	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326A012103
 (MTTN26001537.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

10/02/2026

Trang/ Page: 6/9



STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.23.1	PCB-101	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.2	PCB-118	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.3	PCB-138	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.4	PCB-149	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.5	PCB-153	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.6	PCB-170	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.7	PCB-18	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.8	PCB-180	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.9	PCB-194	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.10	PCB-209	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.11	PCB-28	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.12	PCB-31	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.13	PCB-44	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.14	PCB-52	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.24	Hàm lượng Hydrocarbon thơm đa vòng (PAHs)	µg/L	SMEWW 6440C:2023	-	-
7.24.1	Acenaphthene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326A012103
(MTTN26001537.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT



10/02/2026

Trang/ Page: 7/9

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.24.2	Acenaphthylene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.3	Anthracene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.4	Benzo(a)anthracene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.5	Benzo(a)pyrene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.6	Benzo(b)fluoranthene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.7	Benzo(g,h,i)perylene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.8	Benzo(k)fluoranthene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.9	Chrysene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.10	Dibenzo(a,h)anthracene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.11	Fluoranthene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.12	Fluorene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.13	Indeno(1,2,3-c,d)pyrene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.14	Naphthalene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.15	Phenanthrene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.16	Pyrene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326A012103
(MTTN26001537.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/02/2026

Trang/ Page: 8/9

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.25	Coliforms	CFU/250mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-
7.26	Escherichia coli	CFU/250mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-
7.27	Pseudomonas aeruginosa	CFU/250mL	ISO 16266:2006	< 1 ^(c)	-
7.28	Enterococci (Streptococci faecal)	CFU/250mL	ISO 7899-2:2000 (QCVN 06-1:2010/BYT)	< 1 ^(c)	-
7.29	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit (Clostridia)	CFU/50mL	ISO 6461-2:1986	< 1 ^(c)	-

Ghi chú:

- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc
- ISO: International Organization for Standardization
- KPH: Không phát hiện
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia
- US EPA: United States Environmental Protection Agency
- (c): Kết quả được biểu thị “< 1 CFU” được xem là “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu kiểm tra.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*



Q326A012103
 (MTTN26001537.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/02/2026

Trang/ Page: 9/9



QUATEST 3®

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chi tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326A012103
(MTTN26001537.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/02/2026
Trang/ Page: 1/9

- Tên mẫu : **Nước khoáng thiên nhiên La Vie 500 mL**
Thời gian lấy mẫu: 14h18, 20/01/2026
- Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp
- Dạng mẫu: lỏng
- Dụng cụ chứa: 1 chai nhựa
- Số đơn vị/mẫu: 500 mL x 24
- Chụp hình mẫu: xem hình kèm theo
- Số lượng mẫu : 01
- Ngày nhận mẫu : 31/01/2026
- Thời gian thử nghiệm : 31/01/2026 - 11/02/2026
- Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LA VIE**
Quốc Lộ 1A, Khu phố Tường Khánh, Phường Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG


Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC


Phan Thành Trung

Q326A012103
(MTTN26001537.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/02/2026

Trang/ Page: 2/9



STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.1	Hàm lượng Selen (Se)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.2	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	US EPA 200.8	0,002	-
7.3	Hàm lượng Bari (Ba),	mg/L	US EPA 200.8	0,07	-
7.4	Hàm lượng Borat tính theo bo (B)	mg/L	US EPA 200.8	0,05	-
7.5	Hàm lượng cadmi (Cd)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005
7.6	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.7	Hàm lượng chất hoạt động bề mặt anion	mg/L	TCVN 6622-1:2009	KPH	0,05
7.8	Hàm lượng Crom (Cr)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.9	Hàm lượng Cyanid (CN ⁻)	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,005
7.10	Hàm lượng Dầu khoáng	mg/L	ISO 9377-2:2000	KPH	0,1
7.11	Hàm lượng Fluorid (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,3	-
7.12	Hàm lượng Mangan (Mn)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01
7.13	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.14	Hàm lượng Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,4	-
7.15	Hàm lượng nitrit (NO ₂ ⁻)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,02
7.16	Hàm lượng stibi (Sb)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.17	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0002
7.18	Hàm lượng đồng (Cu)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01
7.19	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật clo hữu cơ	-	US EPA 3510C & US EPA 8270E	-	-



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326A012103
 (MTTN26001537.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/02/2026

Trang/ Page: 3/9

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.19.1	4,4'-DDD	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.2	4,4'-DDE	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.3	4,4'-DDT	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.4	Aldrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.5	Dieldrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.6	Endosulfan-sulfate	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.7	Endrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.8	HCB	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.9	Heptachlor	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.10	Heptachlor-epoxide	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.11	Methoxychlor	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326A012103
(MTTN26001537.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/02/2026

Trang/ Page: 4/9

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.19.12	α -Endosulfan	$\mu\text{g/L}$	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.13	α -HCH	$\mu\text{g/L}$	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.14	β -Endosulfan	$\mu\text{g/L}$	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.15	β -HCH	-	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.16	γ -HCH	$\mu\text{g/L}$	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.19.17	δ -HCH	$\mu\text{g/L}$	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.20	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ carbamate	-	US EPA 8321B	-	-
7.20.1	Aldicarb	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.2	Fenobucarb	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.3	Aldicarb sulfone	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.4	Aldicarb sulfoxide	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.5	Carbaryl	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.6	Carbendazime	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.7	Carbofuran	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.8	Imidacloprid	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.9	Isoprocarb	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.10	Methiocarb	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.11	Methomyl	$\mu\text{g/L}$	US EPA 8321B	KPH	0,7

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95% độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95% confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326A012103
(MTTN26001537.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/02/2026

Trang/ Page: 5/9

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.20.12	Oxamyl	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.13	Propurxur	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.20.14	Thiabendazole	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.21	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật nhóm cúc tổng hợp	-	US EPA 3510C & US EPA 8270E	-	-
7.21.1	Cypermethrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1
7.21.2	Deltamethrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1
7.21.3	Fenvalerate	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1
7.21.4	Permethrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1
7.22	Dư lượng thuốc trừ cỏ	-	US EPA 8321B	-	-
7.22.1	2,4,5-T	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.22.2	2,4-D	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.22.3	2,4-DB	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.22.4	Bentazone	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.22.5	Dichloprop (2,4-DP)	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.22.6	Fenoprop	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.22.7	Fipronil	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.22.8	MCPA	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3
7.22.9	Mecoprop (MCP)	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.23	Hàm lượng Polychlorinated biphenyls (PCBs)	µg/L	QUATEST3 1047:2023	-	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326A012103
 (MTTN26001537.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT



10/02/2026

Trang/ Page: 6/9

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.23.1	PCB-101	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.2	PCB-118	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.3	PCB-138	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.4	PCB-149	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.5	PCB-153	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.6	PCB-170	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.7	PCB-18	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.8	PCB-180	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.9	PCB-194	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.10	PCB-209	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.11	PCB-28	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.12	PCB-31	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.13	PCB-44	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.23.14	PCB-52	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.24	Hàm lượng Hydrocarbon thơm đa vòng (PAHs)	µg/L	SMEWW 6440C:2023	-	-
7.24.1	Acenaphthene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326A012103
(MTTN26001537.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/02/2026

Trang/ Page: 7/9



STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.24.2	Acenaphthylene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.3	Anthracene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.4	Benzo(a)anthracene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.5	Benzo(a)pyrene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.6	Benzo(b)fluoranthene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.7	Benzo(g,h,i)perylene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.8	Benzo(k)fluoranthene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.9	Chrysene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.10	Dibenzo(a,h)anthracene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.11	Fluoranthene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.12	Fluorene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.13	Indeno(1,2,3-c,d)pyrene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.14	Naphthalene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.15	Phenanthrene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.24.16	Pyrene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2

2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3



ISO/IEC 17025:2017

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - Email: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: 0 No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam 0 C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326A012103
(MTTN26001537.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/02/2026

Trang/ Page: 8/9

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.25	Coliforms	CFU/250mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-
7.26	Escherichia coli	CFU/250mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-
7.27	Pseudomonas aeruginosa	CFU/250mL	ISO 16266:2006	< 1 ^(c)	-
7.28	Enterococci (Streptococci faecal)	CFU/250mL	ISO 7899-2:2000 (QCVN 06-1:2010/BYT)	< 1 ^(c)	-
7.29	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit (Clostridia)	CFU/50mL	ISO 6461-2:1986	< 1 ^(c)	-

Ghi chú:

- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc
- ISO: International Organization for Standardization
- KPH: Không phát hiện
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia
- US EPA: United States Environmental Protection Agency
- (c): Kết quả được biểu thị “< 1 CFU” được xem là “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu kiểm tra.

2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326A012103
(MTTN26001537.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

10/02/2026

Trang/ Page: 9/9



QUATEST 3®

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326A012103
(MTTN26001537.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

11/02/2026
Trang/ Page: 1/4

- Tên mẫu : Nước uống đóng chai có khoáng thiên nhiên La Vie dịu nhẹ 5 L
Thời gian lấy mẫu: 22h10, 24/01/2026
- Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp
- Dạng mẫu: lỏng
- Dụng cụ chứa: 1 bình nhựa
- Số đơn vị/mẫu: 5 L
- Chụp hình mẫu: xem hình kèm theo
- Số lượng mẫu : 01
- Ngày nhận mẫu : 31/01/2026
- Thời gian thử nghiệm : 31/01/2026 - 11/02/2026
- Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LA VIE
Quốc Lộ 1A, Khu phố Tường Khánh, Phường Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phan Thanh Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3



ISO/IEC 17025:2017

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: 0 No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam 0 C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam 1075137 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326A012103
(MTTN26001537.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

11/02/2026

Trang/ Page: 2/4



STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.1	Hàm lượng Stibi (Sb)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.2	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005
7.3	Hàm lượng Bari (Ba)	mg/L	US EPA 200.8	< 0,02 (LOQ)	0,01
7.4	Hàm lượng Bor (B)	mg/L	US EPA 200.8	< 0,02 (LOQ)	0,01
7.5	Hàm lượng Bromat (BrO ₃ ⁻)	mg/L	SMEWW 4110D:2023	KPH	0,004
7.6	Hàm lượng Cadmi (Cd)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005
7.7	Hàm lượng Tổng clo (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6225-2:2021	KPH	0,02
7.8	Hàm lượng Clorate (ClO ₃ ⁻)	mg/L	SMEWW 4110D:2023	KPH	0,01
7.9	Hàm lượng Clorit (ClO ₂ ⁻)	mg/L	SMEWW 4110D:2023	KPH	0,01
7.10	Hàm lượng Crom (Cr)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.11	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01
7.12	Hàm lượng Cyanid (CN ⁻)	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,005
7.13	Hàm lượng Fluorid (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	< 0,1 (LOQ)	0,03
7.14	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.15	Hàm lượng Mangan (Mn)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01
7.16	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0002
7.17	Hàm lượng Molybden (Mo)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.18	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.19	Hàm lượng Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	< 0,4 (LOQ)	0,1
7.20	Hàm lượng Nitrit (NO ₂ ⁻)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,02
7.21	Hàm lượng Selen (Se)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326A012103
(MTTN26001537.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

11/02/2026

Trang/ Page: 3/4



STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.22	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,02
7.23	Hoạt độ phóng xạ beta tổng	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,2
7.24	Coliforms	CFU/250mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-
7.25	Escherichia coli	CFU/250mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-
7.26	Pseudomonas aeruginosa	CFU/250mL	ISO 16266:2006	< 1 ^(c)	-
7.27	Enterococci (Streptococci faecal)	CFU/250mL	ISO 7899-2:2000 (QCVN 06-1:2010/BYT)	< 1 ^(c)	-
7.28	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit (Clostridia)	CFU/50mL	ISO 6461-2:1986	< 1 ^(c)	-

Ghi chú:

- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc
- ISO: International Organization for Standardization
- KPH: Không phát hiện
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia
- US EPA: United States Environmental Protection Agency
- (c): Kết quả được biểu thị “< 1 CFU” được xem là “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu kiểm tra.

3

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326A012103
(MTTN26001537.03)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

11/02/2026

Trang/ Page: 4/4



QUATEST 3®

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

KT3-00230AMT5/4R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

05/02/2025
Trang/ Page 01 / 07

- Tên mẫu : NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN LAVIE rPET
Name of sample : Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 07/01/2025
- Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Description : Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng;
Form: the liquid;
- Nhãn hiệu: LAVIE;
Label: LAVIE;
- Số đơn vị/mẫu: 350 mL x 24;
Unit/sample: 350 mL x 24;
- Dụng cụ chứa: chai nhựa;
Container: plastic bottle;
- Chụp hình mẫu: xem hình kèm theo;
Picture: see attached image;
- Số lượng mẫu : 01
Quantity
- Ngày nhận mẫu : 10/01/2025
Date of receiving
- Thời gian thử nghiệm : 10/01/2025 – 20/01/2025
Testing duration
- Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH LA VIE
Customer : Quốc lộ 1A, phố Trường Khánh, Phường Khánh Hậu, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo / See next page
Testing results

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL TESTING LAB

Nguyễn Hoàng Linh

TL. GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB

Phan Thành Trung



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*)

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-00230AMT5/4R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

05/02/2025
Page 02 / 07



STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.1	Hàm lượng florua (F ⁻) Fluoride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,1	-
7.2	Hàm lượng nitrit (NO ₂ ⁻) Nitrite content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,02
7.3	Hàm lượng nitrat (NO ₃ ⁻) Nitrate content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	< 0,4 (**)	0,1
7.4	Coliform tổng số Total Coliform	CFU/250 mL	ISO 9308-1:2014 / Amd.1:2016	< 1(***)	-
7.5	Escherichia coli	CFU/250 mL	ISO 9308-1:2014 / Amd.1:2016	< 1(***)	-
7.6	Enterococci Streptococci faecal	CFU/250 mL	ISO 7899-2:2000 QCVN 06-1:2010	< 1(***)	-
7.7	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit Spores of sulfite - reducing anaerobes (Clostridia)	CFU/50 mL	ISO 6461-2:1986	< 1(***)	-
7.8	Pseudomonas aeruginosa	CFU/250 mL	ISO 16266:2006	< 1(***)	-
7.9	Độ pH (tại 25 °C) pH value (at 25 °C)	-	TCVN 6492:2011	8,1	-
7.10	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) Total dissolved solids content	mg/L	SMEWW 2540C:2023	318	-
7.11	Hàm lượng cyanua tổng (CN ⁻) Cyanide content	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,005
7.12	Hàm lượng chất hoạt động bề mặt anion (metylen xanh) Anion surfactant content	mg/L	TCVN 6336:1998	KPH	0,05
7.13	Hàm lượng borat tính theo bo (B) Borate calculated for boron content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,04	-
7.14	Hàm lượng đồng (Cu) Copper content	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH	0,01
7.15	Hàm lượng mangan (Mn) Manganese content	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH	0,01
7.16	Hàm lượng cadimi (Cd) Cadmium content	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH	0,0005

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-00230AMT5/4R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT



02/2025
Page 03 / 07

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.17	Hàm lượng niken (Ni) Nickel content	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH	0,003
7.18	Hàm lượng chì (Pb) Lead content	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH	0,003
7.19	Hàm lượng crôm (Cr) Chromium content	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH	0,003
7.20	Hàm lượng bari (Ba), Barium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,08	-
7.21	Hàm lượng Selen (Se) Selenium content	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH	0,003
7.22	Hàm lượng sibi (Sb) Antimoni content	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH	0,003
7.23	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,002	-
7.24	Hàm lượng thủy ngân (Hg) Mercury content	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH	0,0002
7.25	Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật clo hữu cơ Organochlorine content		SMEWW 6630B:2023		-
	+ Aldrin	µg/L		KPH	0,5
	+ Dieldrin	µg/L		KPH	0,5
	+ Heptachlor	µg/L		KPH	0,5
	+ Heptachlor epoxide	µg/L		KPH	0,5
	+ Hexachlorbenzen	µg/L		KPH	0,5
	+ Methoxychlor	µg/L		KPH	0,5
	+ 4,4'-DDD	µg/L		KPH	0,5
	+ 4,4'-DDE	µg/L		KPH	0,5
	+ 4,4'-DDT	µg/L		KPH	0,5
	+ α-endosulfan	µg/L		KPH	0,5
	+ β-endosulfan	µg/L		KPH	0,5
	+ Endrin	µg/L		KPH	0,5
	+ Endosulfan-sulfate	µg/L		KPH	0,5
	+ α-HCB	µg/L		KPH	0,5
	+ β-HCB	µg/L		KPH	0,5
	+ γ-HCH	µg/L		KPH	0,5
	+ δ-HCH	µg/L		KPH	0,5

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*)

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-00230AMT5/4R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

05/02/2025

Page 04 / 07



STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.26	Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật nhóm cúc tổng hợp <i>Pyrethroid content</i>		SMEWW 6630B:2023		-
	+ Permethrin	µg/L		KPH	0,01
	+ Cypermethrin	µg/L		KPH	0,01
	+ Fenvalerate	µg/L		KPH	0,01
	+ Deltamethrin	µg/L		KPH	0,01
7.27	Hàm lượng thuốc trừ cỏ <i>Herbicide content</i>		US EPA Method 8321B		-
	+ 2,4,5-T	µg/L		KPH	1,0
	+ 2,4-D	µg/L		KPH	1,0
	+ 2,4-DB	µg/L		KPH	1,0
	+ 2,4-DP	µg/L		KPH	1,0
	+ MCPA	µg/L		KPH	1,0
	+ MCPP (Mecopro)	µg/L		KPH	1,0
	+ 2,4,5-TP (Fenopro)	µg/L		KPH	1,0
	+ Bentazone	µg/L		KPH	1,0
7.28	Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật nhóm carbamate <i>Carbamate content</i>		SMEWW 6610B:2023		-
	+ Carbofuran	µg/L		KPH	2,0
	+ Aldicarb	µg/L		KPH	2,0
	+ Aldicarb sulfone	µg/L		KPH	2,0
	+ Oxamyl	µg/L		KPH	2,0
	+ Propoxur	µg/L		KPH	2,0
	+ Carbaryl	µg/L		KPH	2,0
	+ Isoprocarb	µg/L		KPH	2,0
	+ Methiocarb	µg/L		KPH	2,0
	+ Fenobucarb	µg/L		KPH	2,0
	+ Aldicarb sulfoxide	µg/L		KPH	2,0
	+ Carbendazim	µg/L		KPH	2,0
	+ Thiabendazole	µg/L		KPH	2,0
	+ Imidaclopride	µg/L		KPH	2,0
	+ Methomyl	µg/L		KPH	2,0

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) không được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*



KT3-00230AMT5/4R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

05/02/2025

Page 05 / 07



STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.29	Hàm lượng hydrocarbon thơm đa vòng (PAHs) Polycyclic aromatic hydrocarbon content	µg/L	SMEWW 6440C:2023		-
	+ Benzo (a) pyrene	µg/L		KPH	0,2
7.30	Hàm lượng Polychlorinated biphenyls (PCBs) ⁽²⁾ Polychlorinated biphenyls content	µg/L	QUATEST3 1047:2023	KPH	0,02
7.31	Hàm lượng dầu khoáng Hydrocacbon content	mg/L	ISO 9377-2:2000	KPH	0,10
7.32	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5,0
7.33	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5
7.34	Hàm lượng natri (Na) Sodium content	mg/L	SMEWW 3111B:2023	108	-
7.35	Mùi, vị Odor & taste	-	SMEWW 2150C:2023, QUATEST3 1263:2024 (ref. SMEWW 2160B:2023)	Không có mùi vị lạ/ No strange odor taste	-
7.36	Hàm lượng kali (K) Potassium content	mg/L	SMEWW 3111B:2023	2,83	-
7.37	Hàm lượng canxi (Ca) Calcium content	mg/L	SMEWW 3120B:2023	14,1	-
7.38	Hàm lượng magie (Mg) Magnesium content	mg/L	SMEWW 3120B:2023	4,29	-
7.39	Hàm lượng bicarbonate (HCO ₃ ⁻). Bicarbonate content	mg/L	SMEWW 2320B:2023	305	-

Ghi chú/ Notice:

(**): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra/ The result "<1 CFU" is considered "target organism not-detectable" in the volume of sample analysed

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) không được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.





KT3-00230AMT5/4R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT



05/02/2025

Page 06 / 07

SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Waste water

TCVN: Tiêu Chuẩn Quốc Gia/ *National standards*

US EPA: United States Environmental Protection Agency

(2): Polychlorinated biphenyls (PCBs) được xác định dựa trên các chất sau:

Polychlorinated biphenyls (PCBs) was determined based on the following compounds:

- 2,2',5- trichlorobiphenyl
- 2,2',3,4,4',5'- hexachlorobiphenyl
- 2,4,5- trichlorobiphenyl
- 2,2',3,4',5',6- hexachlorobiphenyl
- 2,4',5- trichlorobiphenyl
- 2,2',4,4',5,5'- hexachlorobiphenyl
- 2,2',3,5'- tetrachlorobiphenyl
- 2,2',3,3',4,4',5-heptachlorobiphenyl
- 2,2',5,5'- tetrachlorobiphenyl
- 2,2',3,4,4',5,5'- heptachlorobiphenyl
- 2,2',4,5,5'- pentachlorobiphenyl
- 2,2',3,3',4,4',5,5'- octachlorobiphenyl
- 2,2',4,4',5- pentachlorobiphenyl
- 2,2',3,3',4,4',5,5',6,6'- decachlorobiphenyl

(**): Là giới hạn định lượng của phương pháp thử/ *Limit of quantification of method (LOQ)*

KPH: Không phát hiện/ *Not detected*



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*)

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*



KT3-00230AMT5/4R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

05/02/2025
 Trang / Page 07 / 07



QUATEST 3®

3

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bổ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

